

Bản án số: **114/2018/DS-PT**

Ngày: 11/9/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Anh**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hùng Nuôi**

Ông **Mai Thiện Kế**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thiên T.

Địa chỉ: Ấp Đại N, xã Liêu T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp Đại N, xã Liêu T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị X: Bà **Huỳnh Thị Diệu O**, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Đường số 7, KDC N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Ấp Tổng C, xã Liêu T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông **Nguyễn Dương Kim H**, sinh năm 1964; Địa chỉ: D H, Cư Xá Phú L, phường M, quan S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đinh Thiên C**, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp Đại N, xã Liêu T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

2. Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Đại N, xã Liêu T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Của bị đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T là bà Huỳnh Thị Diệu O trình bày:

Công ty TNHH Thiên T (trước đây là doanh nghiệp tư nhân Thiên T) kinh doanh thức ăn nuôi tôm, hóa chất xử lý nước nuôi trồng thủy sản và thuốc thú y thủy sản, ... Trong quá trình kinh doanh ông Nguyễn Văn H là hộ nuôi tôm, có nhu cầu sử dụng thức ăn, hóa chất xử lý nước nuôi thủy sản và thuốc thú y thủy sản nên đề nghị phía nguyên đơn cung cấp. Hai bên bắt đầu giao dịch từ năm 2002, khi bán thức ăn nuôi tôm cho phía ông H có lập sổ giao nhận hàng, phía ông H có xác nhận khi nhận hàng. Việc giao dịch kéo dài đến năm 2004 thì ông H không mua thức ăn nuôi tôm của nguyên đơn nữa.

Đến ngày 07/10/2004 nguyên đơn chốt công nợ, phía ông H còn nợ số tiền 1.356.429.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn). Phía nguyên đơn và ông H có gặp nhau bàn bạc về số nợ. Ông H có ký xác nhận công nợ nhưng lúc đó ông trình bày là việc làm ăn đang gặp khó khăn nên tạm thời chưa thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn được, khi việc làm ăn khá hơn thì ông H sẽ thanh toán và hai bên thỏa thuận tính lãi suất 02%/tháng đối với số nợ 1.356.429.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 07/10/2004 nhưng thời gian sau ông H có đến gặp nguyên đơn yêu cầu giảm lãi suất. Do là chỗ quen biết, thân tình nên nguyên đơn đã đồng ý với yêu cầu của ông H. Do đó hai bên đã thống nhất tính lãi suất 1,5%/tháng đối với số nợ 1.356.429.000 đồng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 07/10/2004.

Sau khi kết nợ trong năm 2008 ông H có gửi tiền lãi hai lần: Lần 1 ngày 24/01/2008 gửi trả 100.000.000 đồng; lần 2 ngày 06/9/2008 gửi trả 350.000.000 đồng.

Từ ngày 07/10/2004 đến nay công ty và ông H gặp nhau nhiều lần để đối chiếu số nợ, xác định số tiền lãi phát sinh cũng như số tiền lãi ông H đã trả. Lần cuối cùng xác nhận số nợ là vào tháng 12/2013, ông H xác nhận số tiền còn nợ công ty là 3.063.150.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.356.429.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07/8/2013 còn nợ lại là 1.706.721.000 đồng). Sau đó phía ông H có gửi tiền lãi thêm 03 lần nữa cụ thể như sau: Ngày 22/10/2013 gửi trả 600.000.000 đồng, ngày 10/3/2015 gửi trả 100.000.000 đồng,

ngày 03/3/2016 gọi trả 100.000.000 đồng. Tổng cộng ông H trả tiền lãi 05 lần là 1.250.000.000 đồng.

Như vậy tiền lãi tính đến ngày 07/8/2013 ông H còn nợ: 906.721.000 đồng. Từ đó đến nay phía ông H không có gọi tiền lãi cho nguyên đơn.

Nay Công ty TNHH Thiên T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại số tiền nợ cho Công ty TNHH Thiên T số tiền cụ thể như sau:

- Tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.356.429.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Tiền lãi trước đây ông H còn nợ hai bên đã thống nhất đến ngày 07/8/2013 là 906.721.000 đồng (chín trăm lẻ sáu triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Lãi tạm tính từ ngày 08/8/2013 đến ngày khởi kiện là ngày 08/02/2017 là 42 tháng: $1.356.429.000 \text{ đồng} \times 42 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 854.550.270 \text{ đồng}$ (tám trăm năm mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/6/2018 đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, cụ thể: yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ gốc còn thiếu là 1.356.429.000 đồng; tiền lãi từ ngày 7/10/2004 đến ngày 31/12/2016 (146 tháng 24 ngày), với mức lãi suất 1,125%/tháng/ nợ gốc là 2.240.142.494 đồng; tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/6/2018 (17 tháng 25 ngày), với mức lãi suất 1,5%/tháng/nợ gốc là 362.844.758 đồng. Tổng cộng là 3.959.416.252 đồng trừ số tiền lãi đã đóng là 1.250.000.000 đồng, còn lại 2.709.416.252 đồng cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Vào các năm 2002 đến 2004 ông Nguyễn Văn H có giao dịch giúp đỡ nhau với ông Đinh Thiên C do là chỗ thân quen nên ông C hỗ trợ cho ông H trong làm ăn, cuộc sống như làm đường, mở trại tôm, đào ao, chăn nuôi tôm, trong quá trình nuôi tôm thì bị thất vụ nên tổng kết nợ thì ông H còn nợ 1.356.429.000 đồng và hứa sẽ trả dần vào các vụ sau. Sau đó ông H trả nợ dần vào các năm 2008, 2013, 2015 và lần cuối cùng trả là ngày 03/3/2016 với số tiền tổng cộng đã trả 1.250.000.000 và số tiền mà ông H đã trả đó là trả tiền nợ gốc. Ông H cho rằng ông không có mua bán giao dịch mua thức ăn nuôi tôm với Công ty TNHH Thiên T mà chỉ giao dịch giúp đỡ nhau với ông C vì: Đây là giao dịch mang tính chất hỗ trợ nhau trong cuộc sống, ở thời điểm đó ông Sáu C hỗ trợ ông H thức ăn nuôi tôm và ông H còn nợ 1.356.429.000 đồng, trong quá trình giúp nhau ông H có nhận thức ăn của ông Sáu C cung cấp không thể hiện qua hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH Thiên T (không có xuất hóa đơn, không có hợp đồng mua bán), thời điểm giao dịch vào các năm 2002 và 2004 thì ông Đinh Thiên C chưa có tư cách là một thành viên của Công ty TNHH Thiên T, giả sử ông H có mua thức ăn của Công ty TNHH Thiên T thì căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp ngày 12/12/2013 không có chức năng kinh doanh thức ăn thủy sản do vậy Công ty TNHH Thiên T không có tư cách pháp nhân bán thức ăn thủy sản, căn cứ vào các giấy xác nhận nợ cũng chưa thể hiện rõ ràng chủ thể

nợ và bị nợ vậy xác định ông H không nợ Công ty Thiên T. Về tính lãi: đại diện bị đơn đề nghị xem xét lại vì đã vượt quá thời gian 02 năm.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên T là bị đơn không đồng ý trả số tiền nêu trên vì bị đơn không có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thiên C trình bày:

Ông xác định ông không có giao dịch mua bán với ông Nguyễn Văn H mà việc giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm là giữa Công ty TNHH Thiên T với ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H mua thức ăn và thuốc thú y thủy sản của Doanh nghiệp tư nhân Thiên T trước khi đăng ký thay đổi lần thứ tư vào ngày 12/12/2013 chuyển đổi Doanh nghiệp tư nhân Thiên T thành Công ty TNHH Thiên T cũng do bà Võ Thị X làm người đại diện theo pháp luật. Doanh nghiệp tư nhân Thiên T do vợ ông quản lý kinh doanh nay Công ty TNHH Thiên T do bà Võ Thị X làm người đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH Thiên T khởi kiện ông H trả tiền cho Công ty TNHH Thiên T thì ông không có ý kiến gì, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thiên T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thiên C. Doanh nghiệp tư nhân Thiên T được đăng ký lần đầu vào năm 1999 do ông làm chủ nhưng mọi giao dịch, mua bán do mẹ vợ ông bà Võ Thị X phụ trách và trong thời gian hoạt động ông H có mua thức ăn nuôi tôm của doanh nghiệp còn nợ và sau này chuyển đổi thành Công ty TNHH Thiên T thì các khoản nợ cũng được chuyển cho Công ty TNHH Thiên T quản lý, xử lý trong đó có nợ của ông H và tại thời điểm chuyển đổi ông thống nhất với việc chuyển đổi trên để cho Công ty TNHH Thiên T xử lý nợ trước đây của Doanh nghiệp tư nhân Thiên T và đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Trần Đ thụ lý, giải quyết như sau:

Căn cứ:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điều 428 khoản 2 Điều Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điều 357, 440 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thiên T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả các khoản nợ trong vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Thiên T do bà Võ Thị X làm đại diện tổng cộng số tiền 2.709.416.252 đồng (Hai tỷ, bảy trăm lẻ chín triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST, ngày 27/6/2018/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đ tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đ đối với số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn thêm là 380.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T (trước đây là doanh nghiệp tư nhân Thiên T) có kinh doanh thức ăn nuôi tôm, hóa chất xử lý nước nuôi trồng thủy sản và thuốc thú y thủy sản,...trong quá trình kinh doanh bị đơn Nguyễn Văn H có mua các mặt hàng trên của Công ty, hai bên bắt đầu mua bán từ năm 2002, việc mua bán kéo dài đến năm 2004 thì hai bên không còn giao dịch nữa. Sau đó thì hai bên cũng đã tiến hành xác nhận công nợ, trong quá trình thiếu nợ thì bị đơn cũng trả cho nguyên đơn được số tiền lãi là 1.250.000.000 đồng, sau đó thì bị đơn không tiếp tục trả tiền nợ cho nguyên đơn nữa. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.709.416.252 đồng.

[2.2] Bị đơn thì cho rằng, từ năm 2002 đến năm 2004 ông có giao dịch giúp đỡ nhau với ông Đình Thiên C, ông C hỗ trợ bị đơn làm ăn, do làm ăn thất bại nên tổng kết nợ bị đơn còn thiếu ông C là 1.356.429.000 đồng, sau đó bị đơn có trả được cho ông C tổng số tiền là 1.250.000 đồng. Bị đơn không có giao dịch mua bán thức ăn với Công ty TNHH Thiên T nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời việc tính lãi thì bị đơn yêu cầu xem xét thời hiệu do đã vượt quá 02 năm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H thì thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, Công ty TNHH Thiên T trước đây là Doanh nghiệp tư nhân Thiên T do gia đình ông Đinh Thiên C quản lý điều hành, sau khi chuyển thành Công ty TNHH Thiên T thì các khoản nợ trước của Doanh nghiệp tư nhân Thiên T đều chuyển cho Công ty TNHH Thiên T quản lý, xử lý. Lời trình bày này của nguyên đơn là phù hợp với lời khai của ông Huỳnh Minh T (BL 164a) và ông Đinh Thiên C (BL 67). Nên số tiền ông H còn nợ Doanh nghiệp tư nhân Thiên T mặt nhiên chuyển giao cho Công ty TNHH Thiên T, điều này phù hợp với các lần ký nhận nợ của ông H vào các ngày 07/3/2007; 07/6/2010 và tháng 12/2013, tại phiên tòa đại diện bị đơn cũng thừa nhận các biên nhận nợ nêu trên ông H có ký, và các lần ký nợ này được thực hiện giữa Công ty TNHH Thiên T với ông H, chứ không phải giữa ông H với ông C. Việc bị đơn cho rằng, chỉ giao dịch làm ăn với ông C, việc giao dịch chỉ mang tính chất hỗ trợ nhau trong cuộc sống, ở thời điểm đó ông C hỗ trợ ông H thức ăn nuôi tôm; không thể hiện qua hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH Thiên T; Thời điểm giao dịch vào các năm 2002 và 2004 thì ông Đinh Thiên C chưa có tư cách là một thành viên của Công ty TNHH Thiên T;...tuy nhiên ông C không thừa nhận có giao dịch trên với ông H và ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh là ông giao dịch làm ăn hỗ trợ với ông C. Đồng thời, Công ty TNHH Thiên T (trước đây Doanh nghiệp tư nhân Thiên T) là do các thành viên trong gia đình của nguyên đơn gồm bà X, ông C và ông T sáng lập, do ông T làm Giám đốc và cùng nhau thực hiện việc giao dịch mua bán, thực tế thì Doanh nghiệp tư nhân Thiên T có giao hàng thức ăn thủy sản cho bị đơn ông H là có thật, việc này cũng đã được hai bên thừa nhận tại phiên tòa. Đồng thời, các lần thanh toán tiền mua hàng thì có khi ông H giao cho bà X, có khi giao cho ông C cũng như ông T không thể hiện phiếu thu hay hóa đơn gì, điều này cho thấy ông H có giao dịch mua bán với Doanh nghiệp tư nhân Thiên T tại thời điểm năm 2002 đến năm 2004. Do đó lời trình bày này của ông H cho rằng chỉ giao dịch hỗ trợ mua bán với ông C là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Nên việc nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền còn thiếu là có căn cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án thì thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/6/2018; tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử biên nhận trả nợ lần cuối cho nguyên đơn là ngày 16/8/2018 với số tiền là 100.000.000 đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định thời hiệu khởi kiện được tính lại khi thuộc một trong các trường hợp “*Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện*”, như vậy trong trường hợp này bị đơn cũng đã thực hiện xong một phần nghĩa vụ trả tiền nợ với nguyên đơn, nên thời hiệu khởi kiện được tính lại từ ngày 16/8/2016, trong khi đó nguyên đơn khởi kiện vào ngày 16/02/2017 thì thời hiệu vẫn còn. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn là 1.250.000.000 đồng là trả tiền nợ gốc, không phải trả lãi nhận thấy, nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền 1.250.000.000 đồng này là trả số tiền nợ gốc. Hơn nữa, tại các biên

nhận nợ mà bị đơn đã ký thể hiện số tiền nợ gốc vẫn còn là 1.356.429.000 đồng. Do đó, nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này thuộc về bị đơn, nhưng bị đơn không chứng minh được. Nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.4] Bị đơn cho rằng, Công ty TNHH Thiên T khi mua bán các mặt hàng thuốc, thức ăn tôm với ông H thì không xuất hóa đơn chứng từ, giấy phép kinh doanh không có đăng ký kinh doanh bán thuốc, thức ăn nuôi tôm nên việc mua bán này của nguyên đơn là trái pháp luật. Xét thấy, việc Công ty TNHH Thiên T khi mua bán không xuất hóa đơn, chứng từ cũng như trong giấy phép kinh doanh không có đăng ký kinh doanh thức ăn nuôi tôm nhưng đây là thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không ảnh hưởng đến việc mua bán giữa các bên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện cho bị đơn có cung cấp cho Tòa án ba biên lai mà nguyên đơn nhận tiền của bị đơn, cụ thể: biên nhận ngày 10/3/2015 bị đơn trả 100.000.000 đồng, biên nhận ngày 06/5/2016 bị đơn trả 180.000.000 đồng và biên nhận ngày 16/8/2016 bị đơn trả 100.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng 08 lần trả nợ thì bị đơn đã trả được cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.630.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho nguyên đơn thừa nhận ngoài 05 lần trả nợ theo như sự thống nhất của hai bên thì bị đơn còn trả cho nguyên đơn thêm ba lần như phía bị đơn trình bày và thống nhất cần trừ số tiền này vào số tiền còn lại mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn. Như vậy, tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là $3.959.416.252đ - 1.630.000.000 \text{ đồng} = 2.329.416.252 \text{ đồng}$. Như vậy bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn là 2.329.416.252 đồng.

[5] Từ những phân tích trên cho thấy, giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T và bị đơn ông Nguyễn Văn H có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với nhau từ năm 2002 đến năm 2004, sau khi tổng kết nợ lại thì bị đơn H còn thiếu Công ty tổng số tiền nợ là 3.959.416.252đ, trong quá trình mua bán thì bị đơn H đã trả trước được cho Công ty tổng số tiền sau 08 lần trả là 1.630.000.000 đồng. Như vậy bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.329.416.252 đồng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.709.416.252 là có căn cứ một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.329.416.252 đồng còn thiếu và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thiên T về việc yêu cầu bị đơn H trả số tiền 380.000.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H là có căn cứ một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn H về việc đã trả cho nguyên đơn thêm số tiền 380.000.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện cho nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả thêm cho nguyên đơn số tiền nợ mua thức ăn tôm là 380.000.000 đồng, do đó cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 380.000.000 đồng này.

[8] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực thi hành.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

[10.1] Nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T do bị bác một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 380.000.000 đồng nên nguyên đơn phải chịu là 19.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 23.588.500 đồng theo biên lai thu số 0003623 ngày 20/3/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Đ, nguyên đơn được nhận lại số tiền còn thừa là 4.588.500 đồng.

[10.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu là 78.588.325 đồng.

[11] Do bản án sơ thẩm bị cải sửa nên bị đơn ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Phần tuyên xử được sửa lại như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điều 428 khoản 2 Điều Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điều 357, 440 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thiên T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả các khoản nợ trong vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” với số tiền là 2.329.416.252 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Thiên T do bà Võ Thị X làm đại diện tổng cộng số tiền 2.329.416.252 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ trong vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là 380.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH Thiên T phải chịu là 19.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 23.588.500 đồng theo biên lai thu số 0003623 ngày 20/3/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Đ, nguyên đơn được nhận lại số tiền còn thừa là 4.588.500 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu là 78.588.325 đồng.

2/. Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H không phải chịu. Bị đơn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo phiếu thu số 0002716, ngày 13/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đ;
- Chi cục THA huyện Trần Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Anh